

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA TỐN**

Số: 24/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đa Tốn, ngày 06 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo,
hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ năm 2024 trên địa bàn xã Đa Tốn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA TỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/ 6 /2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/ 11 /2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/ 01/ 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã Hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 /7 /2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội quy định chuẩn nghèo đa chiều thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Đa Tốn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn xã Đa Tốn như sau:

- Tổng số hộ nghèo: 0 hộ; chiếm tỷ lệ: 0%
- Tổng số hộ cận nghèo: 0 hộ ; chiếm tỷ lệ 0%
- Tổng số hộ thoát cận nghèo: 11 hộ; 37 nhân khẩu

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ cận nghèo cho hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo và các công chức có liên quan, Trưởng các thôn và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy; Thường trực HĐND;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- UBND huyện Gia Lâm;
- Phòng LĐTBXH huyện Gia Lâm;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Giảng

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO ĐỊNH KỲ NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 827/UBND-LĐTĐXH của UBND xã Đa Tốn ngày 06/11/2024)

Số TT	TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính 1: Nam 2: Nữ	Số CCCD/ĐDCN	Địa chỉ	Dân tộc	Ghi chú (có đánh số)						Hộ nghèo/cận nghèo theo chuẩn TW
										Số khẩu trong hộ	HN, CN cũ	Phạt sinh mới, tái sinh, tái lập nghề, CN 1: PS 2: Tái	Hương CS NCC	Hương BTXH	Hương CS NO 17/2021/NQ-UBND	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I. Hộ nghèo: 0 hộ																
II. Hộ cận nghèo: 11 hộ, 37 nhân khẩu																
1	1	Lê Thị Khuôn	Lê Thị Khuôn	chủ hộ	01/01/1955	2	001155021057	Thôn Ngọc Động	Kinh	1	1				1	
2	2	Nguyễn Thị Hồng	Nguyễn Thị Hồng Phương	Chủ hộ	23/01/1974	2	001174004665	Thôn Đào Xuyên	Kinh	4	1					
3			Võ Thị Thu Thảo	Con	22/12/2007	2	001307034562	Thôn Đào Xuyên	Kinh							
4			Võ Thị Thu Huyền	Con	28/09/2011	2	001311038453	Thôn Đào Xuyên	Kinh							
5			Nguyễn Bảo Nhi	Cháu	09/10/2017	2	001317062603	Thôn Đào Xuyên	Kinh							
6	3	Lê Thị Thuy	Lê Thị Thuy	Chủ hộ	09/03/1972	2	001174004665	Thôn Thuận Tốn	Kinh	1	1					
7	4	Nguyễn Tiến Từ	Nguyễn Tiến Từ	chủ hộ	19/05/1973	1	001073047293	Thôn Thuận Tốn	Kinh	5	1					
8			Trần Thị Mai	Vợ	22/08/1977	2	001177039247	Thôn Thuận Tốn	Kinh							
9			Nguyễn Chúc Quỳnh	Con	27/05/2002	2	001302005817	Thôn Thuận Tốn	Kinh							
10			Nguyễn Khánh Ly	Con	19/08/2008	2	001308022490	Thôn Thuận Tốn	Kinh							
11			Nguyễn Đức Toàn	Con	21/01/2011	1	001211009310	Thôn Thuận Tốn	Kinh							
12	5	Nguyễn Đình Bảng	Nguyễn Đình Bảng	Chủ hộ	23/10/1973	1	001073005471	Thôn Thuận Tốn	Kinh	5	1					
13			Đỗ Thị Lan	Vợ	24/09/1973	2	001173010966	Thôn Thuận Tốn	Kinh							



Số TT	TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính 1: Nam 2: Nữ	Số CCCD/ĐDCN	Địa chỉ	Dân tộc	Ghi chú (có đánh số)						Hộ nghèo/cận nghèo theo chuẩn TW
										Số khẩu trong hộ	HN, CN cũ	Phạt sinh môi, tái sinh, CN 1: PS 2: Tái	Hường CS NCC	Hường BTXH	Hường CS NQ 17/2021 N Q-HĐND	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
14			Nguyễn Hồng Nhung	Con	07/12/2003	2	001303034360	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
15			Nguyễn Thị Thu Hồng	Con	17/12/2012	2	001312032311	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
16			Hà Tuyết Chi	Cháu	28/08/2022	2	001322014694	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
17	6	Đỗ Đình Phú	Đỗ Đình Phú	Chủ hộ	20/03/1979	1	001079052581	Thôn Thuận Tồn	Kinh	4	1					
18			Tạ Thị Thảo	Vợ	06/12/1980	2	033180011162	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
19			Đỗ Thị Thanh Chúc	Con	28/02/2005	2	001305040014	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
20			Đỗ Thắng Lợi	Con	15/06/2009	1	001209052873	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
21	7	Vũ Tiến Dũng	Vũ Tiến Dũng	Chủ hộ	09/04/1973	1	001311038453	Thôn Thuận Tồn	Kinh	4	1					
22			Nguyễn Thị Kim Tuyền	Vợ	28/12/1989	2	025189000887	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
23			Vũ Ngọc Anh	Con	01/10/2009	2	001309050810	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
24			Vũ Anh Duy	Con	28/10/2011	1	001211049916	Thôn Thuận Tồn	Kinh							
25	8	Nguyễn Thị Phụng	Nguyễn Thị Phụng	Chủ hộ	01/01/1946	2	001146008656	Thôn Khoan Tế	Kinh	1	1				1	
26	9	Đỗ Văn Tiến	Đỗ Văn Tiến	Chủ hộ	17/10/1984	1	001084077917	Thôn Khoan Tế	Kinh	6	1					
27			Đỗ Văn Bằng	Bố	01/01/1961	1	001061029362	Thôn Khoan Tế	Kinh					1		
28			Vũ Thị Thiết	Vợ	01/01/1981	2	033181012193	Thôn Khoan Tế	Kinh							
29			Đỗ Thị May	Em	08/02/1990	2	001190049455	Thôn Khoan Tế	Kinh					1		

Số TT	TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính 1: Nam 2: Nữ	Số CCCD/BDCCN	Địa chỉ	Dân tộc	Ghi chú (có đánh số)						Hộ nghèo/cần theo chuẩn TW
										Số khẩu trong hộ	HN, CN cũ	sinh mới, tái sinh, CN 1: PS 2: Tái	Hương CS NCC	Hương BHYT	Hương CS NQ 17/2021/NQ-HĐND	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
30			Đỗ Thu Hà	Con	06/07/2008	2	001308059787	Thôn Khoan Tế	Kinh							
31			Đỗ Văn Linh	Con	14/08/2010	1	033210013916	Thôn Khoan Tế	Kinh							
32	10	Cam Thị Điều	Cam Thị Điều	Chủ hộ	01/01/1942	2	00114201687	Thôn Khoan Tế	Kinh	5	1					1
33			Hoàng Văn Thắng	Con	20/08/1971	1	001071051217	Thôn Khoan Tế	Kinh							
34			Lê Thị Quyết	Con dâu	14/02/1971	2	001171004428	Thôn Khoan Tế	Kinh							
35			Hoàng Văn Quân	Cháu	27/09/2000	1	001200014542	Thôn Khoan Tế	Kinh					1		
36			Hoàng Thị Thanh	Cháu	26/12/2006	2	001174004665	Thôn Khoan Tế	Kinh							
37	11	Đỗ Thị Châu	Đỗ Thị Châu	Chủ hộ	01/01/1957	2	001157038328	Thôn Khoan Tế	Kinh	1	1					
37	11	TỔNG CỘNG: 11 hộ				37				11	11	0	0	3	2	2

Người lập biểu

Lê Thị Lâm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đinh Văn Giảng

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO ĐỊNH KỲ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 227 /UBND-LĐTBXH của UBND xã Đa Tốn ngày 06/11/ 2024)

Số TT	TT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính 1: Nam 2: Nữ	Số CCCD/ĐDCN	Địa chỉ	Dân tộc	Ghi chú (có đánh số)						Hộ nghèo/cận nghèo theo chuẩn TW
										Số khẩu trong hộ	HN, CN cũ	Phát sinh mới, tái sinh, tái lập, tái lập hộ	Hưởng CS NCC	Hưởng BHYT	Hưởng CS NQ 17/2021/NQ-HĐND	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I. Hộ nghèo: 0 hộ																
II. Hộ cận nghèo: 0 hộ																
TỔNG CỘNG: 0 hộ										0						0

Người lập biểu



Lê Thị Lâm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đinh Văn Giảng